

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẾ SƠN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **113/2021/HNGĐ-ST**
Ngày: 13/7/2021
V/v tranh chấp “*Không công nhận vợ
chồng, nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẾ SƠN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trần Nguyên Vỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Hồng Quang Minh;
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Yến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kiều Loan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2021 về “*Ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1971. *Có mặt.*

- Bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1971. *Có mặt.*

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã Q, huyện QS, tỉnh Quảng Nam.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 10/6/2021, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn - bà B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông H tự nguyện đến với nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do ông H đánh đập vợ con. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Có 03 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 08/9/1996, Trần Thị N1, sinh ngày 10/3/1999 và Trần Thị Y, sinh ngày 01/01/2004. Hai cháu N và N1 đã thành niên, có khả năng lao động nên bà không yêu cầu giải quyết. Bà yêu cầu được nuôi cháu Y và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Bà không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn - ông H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông và bà B chung sống như vợ chồng từ năm 1996 nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống ông và bà B có xảy ra mâu thuẫn do bà B lười biếng, bất đồng quan điểm sống, nhiều lúc do bức tức trong người nên ông có đánh đập bà B. Nay bà B yêu cầu ly hôn thì ông không có ý kiến gì.

Về con chung: Có 03 con chung như bà B đã trình bày. Các cháu N, N1 đã thành niên, có khả năng lao động nên ông không yêu cầu giải quyết. Nếu ly hôn, tùy nguyện vọng cháu Y muốn ở với ai thì ở.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có. Ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quế Sơn phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị B và ông Trần Văn H; giao cháu Trần Thị Y cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bà B, ông H chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn và cư trú tại thôn N, xã Q, huyện QS, tỉnh Quảng Nam. Bà B yêu cầu ly hôn và nuôi con nên quan hệ pháp luật giải quyết là “*Không công nhận vợ chồng và nuôi con*”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà B và ông H chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1996, không có đăng ký kết hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ

Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình không công nhận bà B và ông H là vợ chồng.

[3]. Về con chung: Có 03 con chung là Trần Thị N, sinh ngày 08/9/1996, Trần Thị N1, sinh ngày 10/3/1999 và Trần Thị Y, sinh ngày 01/01/2004. Các cháu N, N1 đã trưởng thành, có khả năng lao động. Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà B yêu cầu được nuôi cháu Y, ông H tôn trọng nguyện vọng của cháu Y. Tại Biên bản xác minh ngày 16/6/2021, Ủy ban nhân dân xã Quế Hiệp cung cấp: “Bà B và ông H đều làm nghề nông, cả hai đều đảm bảo điều kiện cơ bản để nuôi cháu Trần Thị Y”. Tại bản tự khai ngày 16/6/2021, cháu Y có nguyện vọng ở với mẹ. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 15, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Y cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về nợ chung: Không có.

[6]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà B phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị B và ông Trần Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Thị Y, sinh ngày 01/01/2004 cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi thành niên (*đủ 18 tuổi*). Bà B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng bà Nguyễn Thị B phải chịu, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0001836 ngày 10/6/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quế Sơn, tỉnh Quảng Nam.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (13 - 7 - 2021), đương sự không có mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Quế Sơn;
- Chi cục THADS huyện Quế Sơn;
- UBND xã Quế Hiệp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Nguyễn Trần Nguyên Vỹ

